

Số: 502/BC-UBND

Trà Vinh, ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng 12/2021 và một số công tác trọng tâm tháng 01/2022

Trong tháng, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt công tác phòng, chống dịch Covid-19; các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân chung sức, đồng lòng vượt qua khó khăn; hoạt động sản xuất, kinh doanh tiếp tục được phục hồi. Tuy nhiên, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến ngày càng phức tạp, số ca F0 tăng cao và phần lớn là ca nhiễm trong cộng đồng, trong đó có nhiều ca đã tiêm 1-2 mũi vắc xin phòng dịch.

Mặc dù, còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng kinh tế - xã hội tháng 12 đạt được kết quả khá: các cấp, các ngành và địa phương tiếp tục tập trung rà soát, dồn sức thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của năm, hoàn thành tốt các nội dung phục vụ kỳ họp thứ 3 - kỳ họp thường lệ cuối năm 2021, HĐND tỉnh khóa X và giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2022; tín dụng tiếp tục tăng trưởng khá; hàng hóa lưu thông thông suốt; các chính sách hỗ trợ cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 tiếp tục được thực hiện kịp thời; tiến độ tiêm vắc-xin phòng Covid-19 đảm bảo theo số lượng được phân bổ; năng suất, sản lượng lúa tăng khá; sản xuất công nghiệp phục hồi nhanh; tổ chức dạy và học bằng các hình thức linh hoạt, đảm bảo an toàn; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội được tập trung triệt phá, ngăn chặn và đẩy lùi.

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH THÁNG 12/2021

1. Các cuộc họp, làm việc của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh

Tháng 12/2021, ngoài chỉ đạo, điều hành xử lý các công việc thường xuyên theo kế hoạch và chương trình công tác, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã chủ trì và tham dự 120 cuộc họp, hội nghị; 15 cuộc tiếp và làm việc với Bộ, ngành Trung ương, doanh nghiệp; 30 cuộc kiểm tra, khảo sát thực tế địa phương. Đồng thời, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tập trung chỉ đạo một số vấn đề quan trọng như:

Chỉ đạo phổ biến, triển khai thực hiện các nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định và chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ như: Nghị định số 100/2021/NĐ-CP ngày 15/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số

điều của Nghị định số 95/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực thống kê; Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; bảo hiểm, kinh doanh xổ số; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước, kiểm toán; Nghị định số 103/2021/NĐ-CP ngày 26/11/2021 của Chính phủ quy định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước; Nghị định số 109/2021/NĐ-CP ngày 12/08/2021 của Chính phủ quy định cơ sở y tế đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện ma túy và hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định tình trạng nghiện ma túy; Quyết định số 1962/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập các Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 tại một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương; Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2030”; Quyết định số 1963/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng trong năm 2021 và năm 2022; Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 1990/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về giảm lãi suất cho vay các chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội; Quyết định số 1996/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư Dự án “Phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu tại tỉnh Bến Tre” và Dự án “Phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu tại tỉnh Trà Vinh” vay vốn Quỹ Quốc tế về phát triển nông nghiệp; Quyết định số 2012/QĐ-TTg ngày 30/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 1616/QĐ-TTg ngày 13/11/2019 và Quyết định số 359/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 2013/QĐ-TTg ngày 30/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2030; Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 08/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về bổ sung dự toán năm 2021 tiếp tục thực hiện CTMTQG Giảm nghèo bền vững và CTMT Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và an toàn lao động; Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 13/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025; Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường và đổi mới công tác dân vận của cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới...

2. Ban hành các văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 09 kế hoạch; 346 Quyết định cá biệt và 1990 văn bản hành chính khác. Ngoài ra, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 20 thông báo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại các cuộc họp, hội nghị với các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Tập trung kiểm soát, đẩy lùi dịch bệnh Covid-19

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ tiêm vắc-xin theo phân bổ của Bộ Y tế, đến nay tỉnh được phân bổ 1.543.206 liều vắc-xin, đã triển khai tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên: mũi 1 đạt 93,2%, mũi 2 đạt 80,9%; trẻ em từ lớp 9-12 tiêm: mũi 1 đạt 98,4%, mũi 2 đạt 96,06%; trẻ em từ 12 -14 tuổi tiêm : mũi 1 đạt 99,6%, mũi 2 đạt 0,1%; tính chung tỷ lệ tiêm chủng đạt 87,8% số liều vắc-xin được phân bổ.

- Tính đến nay toàn tỉnh ghi nhận 15.140 ca mắc Covid-19 (có 42 ca nhập cảnh), đã điều trị khỏi 4.712 trường hợp; có 94 trường hợp tử vong; đang điều trị 10.334 bệnh nhân, cách ly, điều trị tại nhà 5.685 ca; cách ly tại các cơ sở thu dung điều trị ngoài bệnh viện 1.668 ca.

- Tập trung hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ, đến nay đã cấp phát cho 290.496 đối tượng, với tổng số tiền hơn 446,9 tỷ đồng, đạt 98,5% tổng số đối tượng được phê duyệt; trong đó: chính sách giảm mức đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, số tiền 2.501.742.099 đồng; hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất, số tiền 6.394.887.038 đồng; hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương, số tiền 11.966.530.000 đồng; hỗ trợ người lao động ngừng việc, số tiền 34,387 tỷ đồng; chấm dứt hợp đồng không đủ điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp, số tiền 20,55 triệu đồng; hỗ trợ đối với trẻ em và người đang điều trị Covid-19, cách ly y tế (F0 và F1), số tiền hơn 9,507 tỷ đồng; hỗ trợ viên chức hoạt động nghệ thuật, hướng dẫn viên du lịch, số tiền 170,66 triệu đồng; hỗ trợ hộ kinh doanh, số tiền 14,559 tỷ đồng; hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất, số tiền 4,871 tỷ đồng; hỗ trợ lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù khác, số tiền 376,338 tỷ đồng

- Thực hiện việc hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 của Chính phủ, đến nay hỗ trợ cho 58.989 người, số tiền 131,2 tỷ đồng.

- Vận động Quỹ phòng, chống dịch Covid-19: đến 20/12/2021, đã tiếp nhận đóng góp của 992 tập thể và cá nhân, với tổng số tiền và hiện vật trên 71,638 tỷ đồng⁽¹⁾; đã phân bổ trên 30,689 tỷ đồng (hiện vật được phân bổ ngay khi tiếp nhận) cho Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh cấp huyện, các đơn vị, khu cách ly, chốt kiểm soát và lực lượng tuyến đầu...

2. Tài chính - ngân hàng

Trong tháng, thu ngân sách 3.310 tỷ đồng⁽²⁾, lũy kế 12 tháng 16.459 tỷ đồng, đạt 161,7% dự toán⁽³⁾, giảm 1,7% so với cùng kỳ, trong đó: thu nội địa 4.810 tỷ đồng (đạt 100% dự toán Bộ Tài chính giao; đạt 96,2% Nghị quyết HĐND tỉnh, giảm 4,4% so với cùng kỳ). Một số khoản thu vượt dự toán như: thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (vượt 36,7%); thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước (vượt 20%); thu khác ngân sách (vượt 85%); các loại phí, lệ phí (vượt 2,5%); mặc dù tạm ngưng phát hành vé số trong thời gian dài nhưng nguồn thu xổ số kiến thiết vẫn vượt 3,1% dự toán (thu 1.360 tỷ đồng/dự toán 1.319 tỷ đồng).

Chi ngân sách nhà nước đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ chi thường xuyên, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tập trung thanh, quyết toán cuối năm, nhất là giải ngân vốn đầu tư công. Chi ngân sách trong tháng 4.823 tỷ đồng, ước 12 tháng chi 13.198 tỷ đồng, đạt 119,1% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 8% so với cùng kỳ.

Tình hình hoạt động của các tổ chức tín dụng (TCTD) ổn định, ước đến 31/12/2021, tổng nguồn vốn hoạt động 39.850 tỷ đồng, tăng 9,1% so với cuối năm 2020; các TCTD đẩy mạnh kích cầu tín dụng cuối năm, hoạt động tín dụng tăng trưởng khá so với tháng trước và cùng kỳ, tổng dư nợ cho vay đến tháng 12/2021 ước 32.250 tỷ đồng⁽⁴⁾, tăng 10,5% so với cuối năm 2020. Các TCTD tiếp tục đồng hành, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và đã giảm lãi suất khoản vay hiện hữu cho hơn 77.100 khách hàng với tổng dư nợ khoảng 15.100 tỷ đồng, thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ cho 1.467 khách hàng với dư nợ 232 tỷ đồng; một số TCTD đưa ra các chương trình tín dụng ưu đãi về lãi suất ở một số đối tượng thuộc lĩnh vực ưu tiên với lãi suất cho vay từ 4,5 - 7%/năm (thấp hơn từ 2 - 3,5%/năm so với mức lãi suất cho vay ngắn hạn thông thường), dư nợ đạt 518 tỷ đồng với 2.244 khách hàng. Nhìn chung, tăng trưởng tín dụng cả năm thấp hơn mục tiêu đề ra (khoảng 12%), nguyên nhân do tác động của dịch bệnh Covid-19 làm cho sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng bị chững lại, nhu cầu vốn cũng như mức độ hấp thụ vốn của nền kinh tế suy giảm.

¹ Trong đó: 926 tập thể, cá nhân đóng góp tiền 45.571.780.210 đồng; 66 tập thể, cá nhân đóng góp hiện vật tổng trị giá 26.066.335.000 đồng.

² Thu ngân sách trong tháng tăng cao do tháng cuối năm hạch toán thu từ quỹ dự trữ tài chính; hạch toán thu từ nguồn kết dư ngân sách năm 2020.

³ Nếu loại trừ thu chuyển nguồn, số dư tạm ứng, kinh phí cải cách tiền lương (3.849,293 tỷ đồng) thì tổng thu 12 tháng đạt 12.609,793 tỷ đồng, đạt 123,9% dự toán, giảm 3,1% so với cùng kỳ.

⁴ Trong đó: cho vay nông nghiệp, nông thôn đạt 17.950 tỷ đồng, chiếm 55,7%/tổng dư nợ; cho vay xuất khẩu đạt 400 tỷ đồng; cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa đạt 3.400 tỷ đồng; cho vay chăn nuôi heo đạt 191,6 tỷ đồng...

3. Tình hình phát triển các ngành, lĩnh vực

3.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản⁽⁵⁾

a) Nông nghiệp:

Tập trung thu hoạch lúa thu đông 2021 và xuống giống vụ lúa đông xuân 2022 theo lịch thời vụ. Tổng diện tích lúa gieo trồng cả năm đạt 209.016 ha (vượt 7,6% kế hoạch), sản lượng 1,156 triệu tấn (vượt 6,7% kế hoạch), năng suất trung bình 5,54 tấn/ha (đạt 99,2% kế hoạch). Vụ lúa 2021 - 2022: đến nay xuống giống 1.090 ha lúa vụ mùa và 29.820 ha lúa đông xuân, đạt 55,3% kế hoạch (nhanh hơn cùng kỳ 16.532 ha), đang giai đoạn mạ, đẻ nhánh, lúa phát triển tốt.

Tiếp tục vận động, hỗ trợ nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện, tiềm năng của từng địa phương, đưa cây màu xuống chân ruộng, cải tạo vườn tạp trồng cây ăn trái, vườn dừa kém hiệu quả; tổng diện tích cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây hàng năm và cây hàng năm gieo trồng trong năm 50.197 ha cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác, đạt 97,2% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 535 ha, sản lượng trên 1,29 triệu tấn, đạt 98,2% kế hoạch⁽⁶⁾. Riêng cây màu vụ đông xuân 2021 - 2022, đã xuống giống 4.568ha, đạt 8,6% kế hoạch (tương đương cùng kỳ).

Chăn nuôi: bệnh viêm da nổi cục trên đàn trâu, bò và dịch tả heo châu Phi còn diễn biến phức tạp: (1) Bệnh viêm da nổi cục tiếp tục phát sinh tại 75 hộ chăn nuôi, số bò mắc bệnh 143 con, đến 15/12/2021 dịch bệnh đã xảy ra tại 68/106 xã, phường, thị trấn thuộc 8/9 huyện, thị xã, thành phố⁽⁷⁾, đã tiêu hủy 735 con/tổng số bò nghi mắc 3.633 con; (2) Dịch tả heo châu Phi phát sinh thêm tại 34 hộ chăn nuôi, số heo mắc bệnh 710 con, đến 15/12/2021 dịch bệnh đã xảy ra tại 23/106 xã, phường, thị trấn thuộc 05 huyện (Châu Thành, Cầu Kè, Cầu Ngang, Duyên Hải và Càng Long), tiêu hủy 1.808 con/tổng đàn 2.105 con. Ban Chỉ đạo tỉnh, các địa phương theo dõi sát tình hình, chỉ đạo cơ quan thú y tiến hành tiêu hủy, tiêu độc khử trùng, khoanh vùng và tuyên truyền, vận động tiêm phòng, hạn chế dịch bệnh lây lan diện rộng⁽⁸⁾. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên việc khoanh vùng, dập dịch gặp nhiều khó khăn; công tác tiêm phòng đàn vật nuôi đạt thấp so với tổng đàn

⁵ Số liệu trong báo cáo này tính theo năm kế hoạch 2021, số liệu lũy kế là kết quả ước cả năm đã báo cáo Tỉnh ủy và họp HĐND tỉnh; trong báo cáo tháng 12/2021 Cục Thống kê và Sở NN&PTNT tính theo vụ (tính của năm 2022) nên khác số liệu.

⁶ Trong đó: Màu lương thực 6.000 ha, sản lượng 57.208 tấn, đạt 95,5%; màu thực phẩm 30.546 ha, sản lượng 676.793 tấn, đạt 95,4%; cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 13.651 ha, sản lượng 560.154 tấn, đạt 102% kế hoạch; sau Tết Nguyên đán giá cả nhiều loại rau màu giảm sâu, giá mía nguyên liệu nhiều năm ở mức thấp, nông dân sản xuất không có lãi nên tiếp tục giảm diện tích dẫn đến sản lượng cây màu không đạt kế hoạch.

⁷ Huyện Tiểu Cần chưa phát sinh dịch bệnh Viêm da nổi cục; có 03 huyện: Cầu Kè, Duyên Hải và Trà Cú đủ điều kiện công bố hết dịch.

⁸ Đối với bệnh Viêm da nổi cục: đến nay đã sử dụng 150.624 liều vắc xin; 14.597 lít thuốc sát trùng, phun xịt tại 319.467 lượt hộ và cấp phát 12.019 tài liệu bướm, áp phích. Đối với dịch tả heo Châu Phi: cấp 4.810 lít thuốc sát trùng, đã triển khai phun xịt 3.048 lít tại 77.213 lượt hộ.

(tiêm phòng cúm gia cầm đạt 25,5%, tiêm phòng bệnh lở mồm long móng trên đàn gia súc đạt 26,8% so với tổng đàn).

** Thủy lợi nội đồng và phòng chống thiên tai:*

Ban hành quy định, định mức dự toán tạm thời trực vớt lục bình và vật cản tại các tuyến kênh trên địa bàn tỉnh và Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021-2025. Chỉ đạo chủ động các phương án, kịch bản ứng phó siêu bão RAI (bão số 9) và phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn mùa khô năm 2021- 2022, đến nay các huyện: Cầu Kè, Tiểu Cần, Trà Cú, Càng Long⁽⁹⁾ đã tổ chức vớt lục bình trên 200 km kênh cấp II, cấp III khơi thông dòng chảy, đảm bảo đủ nước phục vụ sản xuất.

Mưa lớn và triều cường (ngày 01 - 02/12/2021) làm đổ ngã 4.126,4 ha lúa thu đông - mùa⁽¹⁰⁾ trên địa bàn các huyện Trà Cú, Tiểu Cần và sạt lở 70 m bờ bao trên địa bàn huyện Châu Thành (đã khắc phục).

** Xây dựng nông thôn mới:*

Tập trung thẩm tra hồ sơ công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021; hoàn thiện hồ sơ gửi về Văn phòng điều phối Trung ương thẩm định công nhận huyện Châu Thành đạt chuẩn huyện nông thôn mới⁽¹¹⁾. Công nhận mới 158 hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa, nông thôn mới; đến nay có 77/85 xã đạt 19/19 tiêu chí (chiếm 90,5% tổng số xã), còn lại 08 xã (04 xã đạt từ 15-18 tiêu chí và 04 xã đạt 14 tiêu chí); 92,2% hộ và 93,8% ấp nông thôn mới.

b) Lâm nghiệp:

Trồng mới 11 ha rừng, nâng tổng số trồng 63 ha rừng tập trung, đạt 100% kế hoạch; chăm sóc 310 ha rừng, đạt 100% kế hoạch; khoán bảo vệ rừng 3.434 ha, vượt 4,39% kế hoạch, tỷ lệ che phủ rừng đạt 4,04%.

c) Thủy sản:

Diện tích thả nuôi thủy sản cả năm 57.600 ha (trong đó: nuôi vùng nước mặn, lợ 53.400 ha; nuôi vùng nước ngọt 4.200 ha)⁽¹²⁾; tổng sản lượng thủy sản trong tháng 8.125 tấn, ước cả năm 217.391 tấn, bằng 95% so với cùng kỳ, trong đó: sản lượng nuôi trồng 149.229 tấn⁽¹³⁾ (tôm sú vượt 3,8%, tôm thẻ vượt 1,9% kế hoạch), sản lượng khai thác 68.165 tấn⁽¹⁴⁾. Hỗ trợ ngư dân lắp đặt thiết bị giám sát hành trình cho 11 tàu cá, nâng tổng số đến nay lắp thiết bị cho 226/230 tàu cá (chiếm 98,3%).

3.2. Sản xuất công nghiệp

⁹ Địa bàn huyện Cầu Ngang, TX Duyên Hải và TP Trà Vinh không có lục bình; riêng huyện Châu Thành, Duyên Hải chưa triển khai.

¹⁰ Trong đó: huyện Trà Cú 1.463,2 ha, huyện Tiểu Cần 2.663,2 ha.

¹¹ Ngày 12/11/2021 đã gửi hồ sơ trình Trung ương thẩm định chính thức (chờ Trung ương cho ngày bảo vệ trước Hội đồng thẩm định trung ương (dự kiến từ ngày 16/12 - 30/12)).

¹² Cụ thể: tôm sú 23.000 ha, tôm chân trắng 9.500 ha, cua biển 19.000 ha...

¹³ Tôm sú 12.980 tấn, tôm thẻ 57.860 tấn, cá lóc 47.864 tấn, cá tra 4.320 tấn, cua biển 6.689 tấn...

¹⁴ Khai thác hải sản 60.962 tấn, khai thác nội đồng 7.202 tấn.

Tiếp tục triển khai kế hoạch tổ chức hoạt động sản xuất trở lại của các doanh nghiệp theo trạng thái bình thường mới (giai đoạn 2), có 86 doanh nghiệp hoạt động bình thường trở lại, tạo việc làm cho 32.151 lao động⁽¹⁵⁾.

Trong tháng, sản xuất công nghiệp phục hồi tốt, hầu hết sản lượng các sản phẩm công nghiệp chủ yếu đều tăng, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 62,1% so với tháng trước; giá trị sản xuất công nghiệp 12 tháng 32.015 tỷ đồng, đạt 70,9% kế hoạch, giảm 9,7% so với cùng kỳ; trong đó: công nghiệp chế biến chế tạo giảm 9,9%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 9,8%; khai khoáng tăng 0,3% và cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,5%. Tuy có nhiều khó khăn nhưng doanh nghiệp chủ động sắp xếp phương án sản xuất theo diễn biến dịch bệnh, một số sản phẩm công nghiệp tăng khá so với cùng kỳ như: sản xuất túi xách (tăng 21%), thuốc viên các loại (tăng 24,3%), bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô (tăng 16,5%), than hoạt tính (tăng 4,1%), nước sinh hoạt (tăng 2,5%). Một số sản phẩm giảm mạnh như: giày thành phẩm (giảm 70,1%), đường kết (giảm 51,9%), may mặc (giảm 31,1%), gạo xay xát (giảm 22,9%), thủy sản đông lạnh (giảm 29,9%)...

Phát triển điện: tiếp tục theo dõi, hỗ trợ nhà đầu tư triển khai 05 dự án điện gió, đến nay đã lắp đặt hoàn thiện 79/79 turbine, có 64/79 turbine được công nhận phát điện thương mại (COD), tổng công suất 256,8 MW. Đầu năm đến nay, đầu tư mới 28,14 km đường dây trung thế, 23,68 km đường dây hạ thế, 330 trạm biến áp, phát triển 3.181 hộ sử dụng điện, tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,25% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh.

3.3. Thương mại - dịch vụ

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược “Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực về phòng vệ thương mại trong bối cảnh tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”. Phát triển 02 cửa hàng tiện lợi⁽¹⁶⁾.

Biên soạn, in ấn Sổ tay thông tin sản phẩm Trà Vinh; hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp tổ chức “Ngày mua sắm trực tuyến Việt Nam - Online Friday 2021”; xây dựng Kế hoạch hàng hóa phục vụ Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ trong tháng đạt 2.348 tỷ đồng, ước cả năm 31.412,8 tỷ đồng, đạt 87,3% kế hoạch, giảm 9,5% so với cùng kỳ (trong đó: bán lẻ hàng hóa giảm 6,6%; dịch vụ lưu trú, ăn uống giảm 14,6%; dịch vụ du lịch giảm 38,4% và dịch vụ khác giảm 18,6%).

¹⁵ Trong KCN: 17 doanh nghiệp, với tổng số lao động 14.237 người; Ngoài KCN 22 doanh nghiệp, với tổng số lao động 15.182 người; Địa bàn các huyện, thị xã 47 doanh nghiệp, với tổng số lao động 2.732 người (thị xã Duyên Hải 02 DN; huyện Cầu Kè 02 DN; huyện Châu Thành 08 DN; huyện Càng Long 12 DN; huyện Trà Cú 15 DN; huyện Tiểu Cần 04 DN, huyện Cầu Ngang 04 DN).

¹⁶ Cửa hàng Bách hóa xanh Trà Vinh số 20, số 22 tại ấp Nguyệt Lăng A, xã Bình Phú, huyện Càng Long và tại ấp Trà Kha, xã Đại An, huyện Trà Cú; nâng tổng số toàn tỉnh hiện 27 Cửa hàng tiện lợi.

3.4. Công tác xúc tiến đầu tư; hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp; kinh tế tập thể, hợp tác xã

Tham dự “Hội nghị trực tuyến toàn quốc về công tác khuyến công và trao Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia lần thứ IV - năm 2021” diêm cầu Trà Vinh⁽¹⁷⁾. Hoàn thành chuyển giao phần mềm “*Xây dựng giải pháp quản trị tổng thể doanh nghiệp*” cho 04 đơn vị⁽¹⁸⁾; hỗ trợ hướng dẫn cho 08 đơn vị⁽¹⁹⁾ tham gia xây dựng gian hàng trên các Sàn Thương mại điện tử Tiki, Voso, Sendo; hỗ trợ 46 lượt doanh nghiệp trong tỉnh kết nối, tiêu thụ sản phẩm...

Phê duyệt Sổ tay hướng dẫn thủ tục hành chính lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam; thành lập Ban Biên tập Trang thông tin điện tử bằng ngôn ngữ Việt - Nhật; Hoàn thành chấm chung kết và công bố kết quả cuộc thi Sáng tác biểu trưng (Logo) và khẩu hiệu (Slogan) khởi nghiệp tỉnh Trà Vinh, có 04 tác phẩm đạt giải (*01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba, 01 giải khuyến khích*). Triển khai thực hiện đánh giá năng lực điều hành cấp sở, ngành, huyện thị xã, thành phố (DDCI) tỉnh năm 2021.

Tiếp và làm việc với 04 nhà đầu tư trong nước⁽²⁰⁾, qua đó ký biên bản ghi nhớ 03 bên giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng hạ tầng và giao thông (Intracom) về việc đầu tư 11 dự án trên địa bàn tỉnh (trong Khu Kinh tế Định An: 07 dự án⁽²¹⁾; ngoài Khu Kinh tế 04 dự án⁽²²⁾). Cấp mới Quyết định chủ trương đầu tư 01 dự án⁽²³⁾ với vốn đầu tư 41,74 tỷ đồng; lũy kế đầu năm đến 15/12/2021: cấp mới quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư 19 dự án⁽²⁴⁾ đầu tư trong và ngoài nước, tổng vốn đầu tư 10.377,51 tỷ đồng và 0,25 triệu USD (ít

¹⁷ Tỉnh Trà Vinh có 04 sản phẩm, bộ sản phẩm được công nhận SPCNNTTB cấp quốc gia năm 2021 theo Quyết định số 1997/QĐ-BCT ngày 23/8/2021 của Bộ Công Thương.

¹⁸ Công ty TNHH MTV Út Mừng; Công ty Hồng Việt - Trà Vinh Liên doanh May; Công ty TNHH MTV sản xuất Vạn Hòa; HTX NN TM và SXDV Xuân Thành.

¹⁹ Kết quả đến nay có 97 lượt doanh nghiệp/HTX tham gia sản với trên 394 loại sản phẩm, trong đó có khoảng 62 loại sản phẩm OCOP, 67 sản phẩm CNNTTB và trên 100 loại sản phẩm đạt chứng nhận khác như sản phẩm an toàn, VietGAP, ISO.

²⁰ Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng Intracom (Intracom), ký ghi nhớ đầu tư 11 dự án; Công ty CP SXTM DV kỹ thuật Phương Nam, lĩnh vực quan tâm: Điện gió; DNTN Song Yến, lĩnh vực quan tâm: Khu du lịch sinh thái; Công ty CP Xây dựng Phú Thành, lĩnh vực quan tâm: Kho chứa vật liệu xây dựng.

²¹ 07 Dự án: Khu du lịch sinh thái Nông trường 22/12; Nghĩa trang nhân dân thị xã Duyên Hải; Khu Công nghiệp Ngũ Lạc; Xây dựng cảng tổng hợp Long Toàn; Khu du lịch Ba Động; Khu đô thị thuộc Dự án hạ tầng kỹ thuật khu đô thị - dịch vụ - công nghiệp khu công nghiệp; Khu du lịch khoáng nóng.

²² 04 dự án: Điện gió ngoài khơi Intracom Duyên Hải; Nghĩa trang hoa viên thành phố Trà Vinh; Khu đô thị phức hợp; Xây dựng nhà máy chế biến các sản phẩm từ đậu phộng.

²³ Chợ chuyên doanh nông sản Trà Điều của Công ty TNHH TM DV DL Hoàng Tân tại Ấp Trà Điều, xã Ninh Nới, huyện Cầu Kè).

²⁴ Đến nay, toàn tỉnh có 384 dự án đang triển khai đầu tư, kinh doanh, trong đó: có 42 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đăng ký 3,1 tỷ USD và 342 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đăng ký 122.242,38 tỷ đồng. Trong 384 dự án có: (1) 293 dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ; (2) 43 dự án đang triển khai; (3) 42 dự án đang thực hiện thủ tục pháp lý và (4) 06 dự án đang thực hiện thủ tục chấm dứt dự án.

hơn cùng kỳ 16 dự án); chấm dứt hoạt động và thu hồi giấy chứng nhận đầu tư 08 dự án, tổng vốn đầu tư 167,80 tỷ đồng⁽²⁵⁾.

Quan tâm nắm tình hình hoạt động của doanh nghiệp; ban hành đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 – 2025. Trong tháng, phát triển mới 36 doanh nghiệp, nâng tổng đến 15/12/2021 phát triển 368 doanh nghiệp⁽²⁶⁾ (đạt 73,6% kế hoạch), vốn đăng ký 5.826 tỷ đồng. Phát triển doanh nghiệp gặp nhiều bất lợi do ảnh hưởng của dịch Covid-19, phần lớn các địa phương không hoàn thành chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp, đến 15/12/2021 có 02 huyện Cầu Kè và Trà Cú đạt và vượt chỉ tiêu, thấp nhất là thị xã Duyên Hải (phát triển được 31/70 doanh nghiệp, đạt 44,3%); so với cùng kỳ số doanh nghiệp phát triển mới thấp hơn hơn 103 doanh nghiệp nhưng vốn bình quân/doanh nghiệp cao hơn 7,1 tỷ đồng; số doanh nghiệp giải thể tăng 06 doanh nghiệp, số tạm ngừng tăng 03 doanh nghiệp; tỷ lệ đăng ký giao dịch qua mạng đạt 53,8% (cùng kỳ 52,8%).

Trong năm, thành lập mới 19 HTX và 01 Liên hiệp HTX, đạt 200% kế hoạch, toàn tỉnh hiện có 01 Liên hiệp HTX và 175 HTX⁽²⁷⁾ đang hoạt động, với vốn điều lệ 172,009 tỷ đồng, tổng số thành viên tham gia 29.442 người.

3.5. Đầu tư, xây dựng cơ bản; công tác quy hoạch

Tổng kế hoạch vốn đầu tư năm 2021 là 4.269,629 tỷ đồng, giải ngân đến ngày 17/12/2021 là 2.903,454 tỷ đồng, đạt 68% kế hoạch (cùng kỳ giải ngân đạt 60,3%), trong đó: kế hoạch vốn giao năm 2021 giải ngân 2.239,625/3.367,24 tỷ đồng, đạt 66,5% kế hoạch; kế hoạch vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021 giải ngân 663,829/902,389 tỷ đồng, đạt 73,6%KH.

Hoàn thành các nội dung phục vụ giám sát “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành” của Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân tỉnh. Phối hợp với đơn vị tư vấn tập trung hoàn thiện dự thảo 36/36 hợp phần và quan điểm, định hướng quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây

²⁵ + Trong KCN, KKT: 02 dự án (Dự án kinh doanh vật liệu xây dựng và vận chuyển bốc dỡ hàng hóa của Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Tường Vy, vốn đầu tư 25,49 tỷ đồng; Dự án nhà máy sản xuất sản phẩm dùng trong công nghiệp và nuôi trồng thủy sản của Công ty TNHH Chế phẩm sinh học Thành Thịnh, vốn đầu tư 5 tỷ đồng).

+ Ngoài KCN, KKT: 06 dự án (Dự án Khu thương mại và Dịch vụ Cầu Ngang của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Trà Vinh, vốn đầu tư 46 tỷ đồng; Dự án Bệnh viện đa khoa An Phúc Trà Vinh của Công ty TNHH An Phúc Trà Vinh, vốn đầu tư 70 tỷ đồng; Cửa hàng xăng dầu Minh Đức 1 của Công ty TNHH MTV SX TM DV Lâm Uyên, vốn đầu tư 4 tỷ đồng; Xây dựng Trụ sở HTX nông nghiệp Nhị Trường, vốn đầu tư 1,65 tỷ đồng; Dự án nhà máy sản xuất gạch không nung - gạch via hệ Ba Vũ của Công ty TNHH VLXD Ba Vũ, với tổng vốn đầu tư 14,9 tỷ đồng; Dự án xây dựng trụ sở làm việc, nhà kho, CH mua bán của HTX NN Việt Thành, vốn đầu tư 760 triệu).

²⁶ Đến nay có 3.279 doanh nghiệp, vốn đăng ký 48.344, số lao động 96.020 (trong đó có 2.827 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn 43.909 tỷ đồng, 88.665 lao động (trong đó có 43 doanh nghiệp FDI).

²⁷ Gồm 131 HTX nông nghiệp, 28 HTX phi nông nghiệp và 16 Quỹ TDND. Hoàn tất thủ tục giải thể cho 13/23 HTX đề xuất giải thể, còn lại 01 hợp tác xin cùng cố hoạt động kinh doanh trở lại, 9 hợp tác xã chưa hoàn thiện thủ tục giải thể. Cùng cố 15/51 HTX, còn 28/51 hợp tác xã chưa được tiến hành cùng cố.

dựng Chương trình phát triển đô thị tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030.

4. Giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ

4.1. Giáo dục và đào tạo

Hỗ trợ thiết bị cho 2.311 học sinh thiếu thiết bị học tập⁽²⁸⁾; duy trì hoạt động dạy học trực tuyến đảm bảo an toàn; ban hành kế hoạch dạy học theo phương án cụ thể phù hợp với thực tế tình hình phòng, chống dịch bệnh Covid-19; tập trung ôn tập, hệ thống kiến thức theo học sinh từng cấp học chuẩn bị kiểm tra học kỳ I năm học 2021 - 2022; tổ chức ôn tập học sinh giỏi tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi vòng Quốc gia năm học 2021 - 2022. Cập nhật tình hình tuyển sinh cấp học mầm non⁽²⁹⁾ và việc chuẩn bị các điều kiện tổ chức cho trẻ đến trường. Tiếp tục thẩm định nội dung bài giảng dạy học trên truyền hình từ lớp 1 đến lớp 5; kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận 07 trường đạt chuẩn quốc gia⁽³⁰⁾, kiểm tra phổ cập giáo dục xóa mù chữ năm 2021 tại 04 huyện, thị xã⁽³¹⁾. Tổ chức họp mặt kỷ niệm 39 năm ngày nhà giáo Việt Nam và tổng kết phát giải cuộc thi viết về tấm gương nhà giáo tiêu biểu, tâm huyết.

4.2. Khoa học và công nghệ

Công nhận 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh⁽³²⁾; phê duyệt 07 đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Thẩm định, hỗ trợ đăng ký bảo hộ 03 nhãn hiệu của 02 doanh nghiệp⁽³³⁾; cấp phép 02 HTX sử dụng tên, địa danh “Mỹ Cẩm” và “Long Đức” đăng ký nhãn hiệu tập thể⁽³⁴⁾. Chấm điểm vòng chung kết xếp loại cuộc thi khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tỉnh Trà Vinh năm 2021⁽³⁵⁾.

5. Bảo trợ xã hội, phúc lợi xã hội và các lĩnh vực xã hội khác

5.1. Đào tạo nghề và giải quyết việc làm

Tư vấn việc làm cho 1.915 người, giải quyết việc làm cho 1.007 lao động, nâng tổng số cả năm giải quyết việc làm cho 19.643 lao động (đạt 85,4% kế hoạch); đưa 292 lao động đi làm việc ở nước ngoài (đạt 32,4% kế hoạch). Giải quyết trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp 594 trường hợp, lũy kế 12 tháng giải quyết trợ cấp cho 12.618 lao động, với số tiền chi trả 202 tỷ đồng.

²⁸ Trong đó: cấp Tiểu học 1.300/4.290, THCS 487/6.191, THPT 524/763

²⁹ Tính đến ngày 10/12/2021, tỷ lệ tuyển sinh trẻ nhà trẻ đạt 4,3%, trẻ mẫu giáo đạt 84,4%, riêng trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 98,6%

³⁰ Gồm: THCS Chu Văn An thị xã Duyên Hải; THCS Lương Hòa, THCS Hòa Minh B huyện Châu Thành; THCS A An Trường, THCS Phương Thạnh, Tiểu học Nhị Long huyện Càng Long; Mầm non Hoa Hồng thành phố Trà Vinh.

³¹ Thị xã Duyên Hải, huyện Duyên Hải, huyện Trà Cú và huyện Càng Long

³² Đề tài: “Xây dựng quy trình sản xuất giống cua biển (*Scylla paramamosain*) tại tỉnh Trà Vinh” do Trung tâm Giống chủ trì thực hiện.

³³ Gồm: (1) Nhà thuốc Tâm Đức (01 nhãn hiệu độc quyền trong nước); (2) Công ty TNHH Trà Vinh Farm (01 nhãn hiệu độc quyền trong nước, 01 nhãn hiệu Quốc tế).

³⁴ Gồm: HTX nông nghiệp Mỹ Cẩm, HTX nông nghiệp Long Đức.

³⁵ Kết quả có 07 dự án/ý tưởng đạt giải trong số 19 dự án, ý tưởng tham gia.

Đến nay, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các doanh nghiệp tuyển sinh, đào tạo nghề cho 9.500 người⁽³⁶⁾, đạt 50% kế hoạch. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 68,7%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ công nhận kết quả đạt 35,84%. Tổ chức cho 08 nhà giáo tham gia Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp toàn quốc năm 2021 bằng hình trực tuyến tại điểm cầu Trường Cao đẳng nghề Trà Vinh⁽³⁷⁾. Cấp giấy phép đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp cho 02 cơ sở có tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng⁽³⁸⁾.

5.2. Thực hiện chính sách ưu đãi người có công

Giải quyết chế độ cho 44 trường hợp người có công với cách mạng⁽³⁹⁾, lũy kế 12 tháng giải quyết cho 920 trường hợp. Tiếp tục điều chỉnh chế độ trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng theo Nghị định số 75/2021/NĐ-CP của Chính phủ và điều chỉnh quyết định điều dưỡng tại gia đình năm 2021. Phối hợp với các địa phương thực hiện việc hỗ trợ nhà tình nghĩa do các Ngân hàng tài trợ cho người có công với cách mạng⁽⁴⁰⁾.

Thực hiện Đề án hỗ trợ gia đình người có công với cách mạng khó khăn về nhà ở (theo Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 29/9/2021), đã phân bổ 69,65 tỷ đồng (đạt 100%) cho các địa phương, đến nay đã triển khai thực hiện 1.083/1.943 căn, đạt 55,7%⁽⁴¹⁾, giải ngân được 5,5 tỷ đồng.

5.3. Bảo trợ xã hội và giảm nghèo

Các nhà hảo tâm, các tổ chức từ thiện trong và ngoài tỉnh ủng hộ tiền và hiện vật trị giá trên 750 triệu đồng, giúp đỡ cho 7.273 lượt đối tượng⁽⁴²⁾. Trình Chủ tịch nước mừng thọ cho 54 cụ cao tuổi tròn 100 tuổi năm 2022. Rà soát lập danh sách mua BHYT năm 2022 các nhóm đối tượng do ngành lao động quản lý.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Tỉnh ủy về công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030. Rà soát theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 (Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg), tỷ lệ hộ nghèo còn 0,58% (giảm 1,24% so với năm trước), trong đó tỷ lệ hộ nghèo dân tộc Khmer còn 0,89% (giảm 2,32%). Rà soát theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-

³⁶ Trong đó trình độ cao đẳng 790 sinh viên; cao đẳng 9+: 105, Cao đẳng liên thông: 28 sinh viên; trung cấp 383 học sinh; trình độ sơ cấp: 542 người; đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Đề án 1956 là: 827 người; tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người 5.120. Số sinh viên tốt nghiệp trình độ cao đẳng 303 sinh viên, trình độ trung cấp là 20 học sinh.

³⁷ Kết quả 08 nhà giáo đạt giải khuyến khích.

³⁸ Trung tâm Nghiên cứu thích ứng biến đổi khí hậu và Hỗ trợ phát triển cộng đồng (CRCS); Trung tâm Dịch vụ đào tạo và Hợp tác doanh nghiệp.

³⁹ Trong đó: giải quyết chế độ thờ cúng liệt sĩ được 26 trường hợp; Cấp 08 thẻ bảo hiểm y tế và giải quyết chế độ mai táng phí cho 18 trường hợp theo Quyết định 290, 62, 49 của Thủ tướng Chính phủ.

⁴⁰ Năm 2021 các ngân hàng tài trợ 100 căn nhà tình nghĩa cho người có công. Đến nay đã xây dựng hoàn thành 63 căn, đang triển khai xây dựng 37 căn.

⁴¹ Trong đó: (1) xây dựng hoàn thành 119 căn; (2) đang triển khai xây dựng 964 căn; (3) chưa triển khai xây dựng là 860 căn.

⁴² Hội Bảo trợ người khuyết tật và nạn nhân chất độc da cam/dioxin vận động được 734 triệu đồng.

2025 (Nghị định số 07/2021/NĐ-CP), toàn tỉnh có 10.202 hộ nghèo (chiếm tỷ lệ 3,56% so với tổng số hộ dân cư); hộ nghèo dân tộc Khmer có 6.317 hộ (chiếm tỷ lệ 7,01% so với số hộ dân tộc Khmer) và hộ cận nghèo 17.201 hộ (chiếm tỷ lệ 6,00% so với tổng số hộ dân cư⁽⁴³⁾). Toàn tỉnh hiện có 117.195 hộ có mức sống trung bình (chiếm 40,8% so với tổng số hộ dân cư); 125.603 hộ có thu nhập khá (chiếm tỷ lệ 43,8%); 11.109 hộ có thu nhập giàu (chiếm tỷ lệ 3,8%).

5.4. Công tác dân tộc, tôn giáo, thực hiện bình đẳng giới và bảo vệ, chăm sóc trẻ em

Các chương trình, dự án, chính sách dân tộc triển khai đạt hiệu quả, đến nay thăm, viếng 909 lượt người có uy tín và người thân theo Quyết định 12/2018/QĐ-TTg; cấp phát 149.524 ấn phẩm báo, tạp chí cho người thụ hưởng theo Quyết định số 45/QĐ-TTg; thi công 09 công trình cơ sở hạ tầng vốn viện trợ của Chính phủ AiLen; xây dựng công trình cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer tại huyện Tiểu Cần; xây dựng dự thảo Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030 trên địa bàn tỉnh, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết định số 1719/2021/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý hoạt động tôn giáo trong dịp lễ Giáng sinh năm 2021; hướng dẫn Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Trà Vinh thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thành lập chùa Long Hoa. Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

5.5. Chăm sóc sức khỏe nhân dân

Duy trì thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn phòng, chống dịch Covid-19 trong bệnh viện; trong tháng khám bệnh, chữa bệnh cho 70.593 lượt⁽⁴⁴⁾; phát hiện và xử lý 07 ổ dịch sốt xuất huyết⁽⁴⁵⁾; 15 ca sốt xuất huyết⁽⁴⁶⁾; 02 ca bệnh tay chân miệng; số người nhiễm HIV mới được phát hiện mới 05 người⁽⁴⁷⁾. Tổ chức các hoạt động truyền thông hưởng ứng kỷ niệm 60 năm ngày truyền thống ngành Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

5.6. Văn hóa, thể thao và du lịch

Công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở và phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” được quan tâm thực hiện tốt; đến nay

⁴³ Lý do tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của chuẩn nghèo mới giảm so với số liệu UBND tỉnh báo cáo tại kỳ họp thứ 3 - HĐND khóa X là do các địa phương điều chỉnh tăng số hộ dân cư nên dẫn đến tỷ lệ giảm).

⁴⁴ Lũy kế đến nay có 1.396.582 lượt, đạt 81,4% so với kế hoạch.

⁴⁵ Cộng dồn tổng số ổ dịch được xử lý/ổ dịch được phát hiện là 72/72 ổ, số ổ dịch giảm 69% so với cùng kỳ năm 2020 (230 ổ).

⁴⁶ Số ca mắc giảm 11 ca so với tháng trước (26 ca); cộng dồn mắc 445 ca, giảm 64% so với cùng kỳ năm 2020 (1.226 ca), không có tử vong.

⁴⁷ Đến ngày 30/11/2021, toàn tỉnh có 2.562 người nhiễm HIV; 1.676 người chuyển sang giai đoạn AIDS; 1.057 người tử vong do HIV/AIDS.

toàn tỉnh có 256.125/277.915 hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa, 739/756 ấp, khóm văn hóa, 82/85 xã văn hóa nông thôn mới, 17/21 phường, thị trấn văn minh đô thị, 103/106 Nhà văn hóa xã, phường, thị trấn; 747/756 nhà văn hóa ấp, khóm; 1.139/1.183 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa. Các di sản văn hóa tiếp tục được bảo vệ và phát huy⁽⁴⁸⁾. Tham gia liên hoan cán bộ thư viện tuyên truyền, giới thiệu sách năm 2021 do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức⁽⁴⁹⁾.

Tổ chức 05 lớp tập huấn về “*Khởi nghiệp du lịch thích ứng trong bối cảnh mới*”, quản lý tài nguyên du lịch và “*Phát triển du lịch cộng đồng - Tái định vị và thích ứng với bối cảnh mới*” cho doanh nghiệp du lịch và các điểm du lịch trong tỉnh. Trong tháng, doanh thu 1,561 tỷ đồng (*tăng 30,4% so tháng trước*); khách lưu trú 2.027 lượt người (*tăng 18,3%*), có 215 lượt khách quốc tế; công suất phòng bình quân đạt 14,14% (*tăng 0,9%*). Kiểm tra, nhắc nhở 60/78 cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa, thể thao và du lịch thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19.

6. Tài nguyên và Môi trường

Thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất năm 2022; danh mục các công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trên địa bàn tỉnh. Phê duyệt Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 của 7/9 huyện⁽⁵⁰⁾; thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của 04 huyện⁽⁵¹⁾. Cấp mới 46 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nâng tổng số đã cấp 626.075 giấy, đạt 99,35% diện tích cần cấp giấy. Theo dõi các công ty, doanh nghiệp thực hiện các quy định về hoạt động khoáng sản⁽⁵²⁾. Ban hành quy định các loại phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh; phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường 06 dự án; xử lý rác thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt tại các bệnh viện dã chiến, khu cách ly tập trung đạt 100%.

7. Thông tin và Truyền thông

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong phòng, chống Covid-19⁽⁵³⁾, vận hành chính thức Hệ thống Tổng đài hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh Covid-19” của tỉnh (*Tổng đài 1022 Trà Vinh*); hỗ trợ hộ sản xuất

⁴⁸ Toàn tỉnh có 48 di tích được xếp hạng (16 di tích cấp quốc gia, 32 di tích cấp tỉnh), 01 bảo vật quốc gia và 05 Di sản văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia.

⁴⁹ Kết quả, đạt 01 giải Nhất Chương trình và 01 giải Nhất thể hiện năng khiếu.

⁵⁰ Huyện Cầu Kè, Châu Thành, Tiểu Cần, Cầu Ngang, Duyên Hải, thị xã Duyên Hải, Càng Long.

⁵¹ Huyện Trà Cú, Càng Long, thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh.

⁵² Việc xử lý vi phạm khai thác khoáng sản cát sông tại xã Đức Mỹ, huyện Càng Long của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác cát Cao Lãnh; việc lập thủ tục đóng cửa mỏ của DNTN Hoàng Minh và Công ty TNHH XD-TM Hồng Rô; việc lập thủ tục khai thác khoáng sản của Công ty/Doanh nghiệp trúng đấu giá quyền khai thác cát biển (Tham dự họp thẩm định ĐTM của 02 đơn vị).

⁵³ Cụ thể: Các cơ quan, đơn vị cài đặt và sử dụng PC-Covid, tạo mã vương QR Code để khai báo y tế điện tử. Đến nay, tại 04 chốt kiểm tra y tế đường bộ có 1.053.953 lượt người qua chốt, trong đó có 753.378 lượt người không qua luồng xanh, 300.575 lượt người qua luồng xanh; có 23.841 điểm gắn bảng quét mã QR; tập huấn cho hơn 100 lượt cán bộ tham gia quy trình, vận hành, quản lý, giám sát cách ly F0, F1 tại nhà; có 194.330 lượt cài đặt PC-Covid, đạt 19,2% so dân số, 35,1% so với tổng số điện thoại thông minh; 141.088 lượt tải và cài đặt app SSKĐT. Tổ chức tập huấn sử dụng nền tảng quản lý xét nghiệm và trả kết quả trực tuyến cho các đơn vị. Tiêm chủng 1.300.773 mũi tiêm.

nông nghiệp đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh. Cấp mới 22 chứng thư số, 05 hộp thư điện tử công vụ⁽⁵⁴⁾; 17 giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh. Tiếp tục kiểm tra, khắc phục lỗ hổng bảo mật trong các sản phẩm Microsoft. Định hướng các cơ quan báo, đài trong tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước⁽⁵⁵⁾.

8. Cải cách hành chính, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng

Báo cáo kết quả rà soát, khắc phục tồn tại, hạn chế trong thực hiện thử nghiệm Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin, đánh giá cải cách hành chính, đo lường sự hài lòng của người dân. Tổ chức các lớp bồi dưỡng theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh năm 2021⁽⁵⁶⁾. Tiếp tục thực hiện Đề án điều chỉnh địa giới hành chính, mở rộng thành phố Trà Vinh⁽⁵⁷⁾. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành 13 cuộc đối với 02 tổ chức và 26 cá nhân; phát hiện và xử lý 19 trường hợp vi phạm ở lĩnh vực nông nghiệp. Tiếp 265 lượt người đến khiếu nại, tố cáo; nhận 221 đơn; giải quyết 67/169 đơn thuộc thẩm quyền, đạt 39,6%⁽⁵⁸⁾.

9. Quốc phòng, an ninh

Tổ chức đợt ra quân thực hiện cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022⁽⁵⁹⁾; xây dựng, triển khai Kế hoạch bảo vệ các hoạt động kỷ niệm ngày thành lập QĐND Việt Nam 22/12, Tết Dương lịch năm 2022 và kỳ họp bất thường Quốc hội khóa XV, Hội nghị Quân chính và hội nghị các ngành; tổng kết 20 năm thực hiện Chỉ thị 917 của Bộ Quốc phòng về xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện “*Mẫu mực tiêu biểu*”. Tiếp tục thực hiện dự án sản xuất, cấp và quản lý Căn cước công dân, đến ngày 16/12/2021 đã tiếp nhận 711.990 hồ sơ, đạt 72,2% chỉ tiêu Bộ Công an giao.

Về quản lý kinh tế: kiểm tra, phát hiện 04 vụ, 04 bị can vi phạm; kiểm

⁵⁴ Nâng 12 tháng, có 2.352 chứng thư số; 7.784 hộp thư điện tử công vụ.

⁵⁵ Tập trung tuyên truyền các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19; tuyên truyền ứng dụng giải pháp công nghệ để khai báo y tế nhằm tránh tình trạng ùn tắc giao thông tại chốt kiểm tra y tế; tổ chức hướng dẫn và truyền thông về ứng dụng PC-Covid, quét mã QR trên địa bàn tỉnh; kế hoạch cao điểm chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trước, trong và sau Tết nguyên đán Nhâm Dần 2022 trên hệ thống thông tin cơ sở; các chính sách hỗ trợ có liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp; các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử quan trọng trong năm 2022;...

⁵⁶ Lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính; lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo; lớp bồi dưỡng kỹ năng, phương pháp hoạt động cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; lớp bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch; lớp bồi dưỡng kỹ năng tìm kiếm, xác định hiệu lực và áp dụng văn bản pháp luật; lớp bồi dưỡng ngoại ngữ...

⁵⁷ Quyết định chỉ định gói thầu “Khảo sát, xây dựng Đề cương - Dự toán Đề án điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, mở rộng địa giới đơn vị hành chính thành phố Trà Vinh”; lập dự thảo và lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan đối với dự thảo Đề cương - Dự toán Đề án điều chỉnh đơn vị hành chính, mở rộng địa giới đơn vị hành chính thành phố Trà Vinh.

⁵⁸ Trong đó: giải quyết đơn tố cáo đạt 33,3%, đơn yêu cầu đạt 48,4%, đơn phản ánh, kiến nghị đạt 59,5%, đơn tranh chấp đất đai đạt 16,6%.

⁵⁹ Thời gian thực hiện cao điểm từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/02/2022.

tra phát hiện xử phạt 01 trường hợp vận chuyển hàng cấm. Từ đầu năm đến nay, đã khởi tố 18 vụ tội phạm về kinh tế (nhiều hơn cùng kỳ 05 vụ); 01 vụ phạm tội về tham nhũng (so với cùng kỳ không tăng giảm); khởi tố 02 vụ tội phạm về môi trường (nhiều hơn cùng kỳ 02 vụ); kiểm tra, phát hiện và xử phạt 03/14 vụ vi phạm pháp luật về môi trường.

Về trật tự xã hội: xảy ra 22 vụ (đã điều tra làm rõ 21/22 vụ), bắt xử lý 34 đối tượng; triệt xóa 10 tụ điểm đánh bạc. Từ đầu năm đến nay, xảy ra 276 vụ tội phạm về trật tự xã hội (nhiều hơn cùng kỳ 73 vụ), điều tra làm rõ đạt 94% tổng số vụ; riêng tội phạm liên quan đến cờ bạc, xảy ra 57 vụ (cao hơn cùng kỳ 16 vụ).

Tội phạm về ma túy: phát hiện 01 vụ, 01 đối tượng, thu giữ 0,45 gram ma túy tổng hợp; đầu năm 2021 đến nay phát hiện 95 vụ (nhiều hơn cùng kỳ 05 vụ).

Tai nạn giao thông: xảy ra 07 vụ, làm chết 03 người, bị thương 08 người. Tính từ đầu năm đến nay xảy ra 45 vụ, làm chết 39 người, bị thương 22 người (so với cùng kỳ giảm 03 vụ, số người chết không tăng/giảm, giảm 06 người bị thương).

Từ đầu năm đến nay xảy ra 02 vụ cháy (giảm 04 vụ so với cùng kỳ), thiệt hại tài sản khoảng 1,8 tỷ đồng.

III. HẠN CHẾ, YẾU KÉM

- *Về kinh tế:* mặc dù đã triển khai Kế hoạch thích ứng an toàn, linh hoạt với dịch Covid-19, khôi phục nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng nhìn chung hoạt động sản xuất còn nhiều khó khăn do giá cả vật tư đầu vào tăng cao (vật liệu xây dựng, phân bón, xăng dầu, thức ăn chăn nuôi...); phân lớn các cơ sở sản xuất hoạt động không hết 100% công suất; sản xuất điện chiếm tỷ trọng lớn, chi phối nhưng phải tiếp tục tiết giảm sản lượng; công nghiệp có phục hồi nhưng tính chung 12 tháng thấp hơn cùng kỳ; các hoạt động hội chợ, xúc tiến thương mại, kết nối cung-cầu hàng hóa còn hạn chế; thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm... triển khai chậm và đảm bảo theo kế hoạch; tỷ lệ tiêm phòng đàn vật nuôi còn thấp; bệnh viêm da nổi cục trên đàn trâu-bò, dịch tả heo châu Phi còn diễn biến phức tạp, công tác thông tin tuyên truyền và khoanh vùng dập dịch còn gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

- *Về văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh:* đời sống, sinh hoạt của người dân còn nhiều khó khăn; tạo việc làm mới, xuất khẩu lao động, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo đạt tỷ lệ còn thấp; tình hình dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh tiếp tục diễn biến rất phức tạp, xuất hiện nhiều ở các công ty, xí nghiệp và cơ quan, đơn vị tuyến đầu chống dịch, người dân tự test nhanh kháng nguyên có kết quả dương tính nhưng không thông báo với chính quyền địa phương; nhiều ca trở nặng và tử vong nhưng chủ quan, lơ là trong phòng, chống dịch còn khá phổ biến.

IV. MỘT SỐ CÔNG TÁC TRỌNG TÂM THÁNG 01/2022

Căn cứ Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, trong tháng 01/2022 cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

1. Chỉ đạo khẩn trương triển khai thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Kế hoạch của UBND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2022. Tập trung thực hiện các kiến nghị, đề xuất của Đại biểu HĐND tỉnh và các Ban HĐND tỉnh tại kỳ họp lần thứ 3 - HĐND tỉnh khóa X. Đẩy mạnh thi đua lập thành tích và triển khai khẩn trương các hoạt động kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh Trà Vinh (tháng 5/1992 - tháng 5/2022) gắn với các hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại - du lịch. Đẩy nhanh tiến độ lập Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Tập trung công tác phòng, chống dịch Covid-19, tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức của người dân trong thực hiện các quy định về phòng, chống dịch, nhất là Quyết định số 2771/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 về thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 và các văn bản chỉ đạo của tỉnh, hướng dẫn của ngành chuyên môn; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với lực lượng tuyến đầu phòng, chống dịch. Các địa phương nghiêm túc việc đánh giá cấp độ dịch và ban hành các biện pháp quản lý hành chính theo cấp độ dịch trên địa bàn; quản lý thật tốt đối tượng F0, F1 cách ly, điều trị tại nhà; có biện pháp linh hoạt, khẩn trương tiêm hoàn thành vắc - xin mũi 2 và triển khai tiêm mũi 3 bổ sung theo đúng kế hoạch.

3. Tập trung xuống giống dứt điểm lúa vụ đông xuân 2021 - 2022 và hoa màu phục vụ Tết Nguyên đán; tăng cường công tác dự tính, dự báo tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; tập trung xử lý, khống chế triệt để dịch bệnh Viêm da nổi cục trên đàn trâu, bò và dịch tả heo châu Phi; đẩy mạnh tuyên truyền tiêm phòng cho đàn vật nuôi; theo dõi, quản lý chặt chẽ, khuyến cáo người dân phát triển nuôi thủy sản theo đúng quy hoạch, lịch thời vụ, kiểm soát chặt chẽ con giống, chế phẩm sinh học, thức ăn trong nuôi trồng thủy sản đảm bảo thắng lợi nuôi năm 2021 - 2022; đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của ngư dân về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU). Chủ động triển khai kế hoạch phòng, chống hạn, mặn mùa khô 2021 - 2022, tập trung trực vớt lục bình, nạo vét các kênh thủy lợi nội đồng khơi thông dòng chảy, kiểm tra các cống đầu mối, trạm cấp nước không để nhân dân thiếu nước sản xuất và sinh hoạt; thực hiện tốt công tác phòng chống cháy rừng mùa khô. Ban hành Đề án Chương trình OCOP giai đoạn 2021 - 2025. Khẩn trương triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới 2021-2025.

4. Triển khai Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2022 - 2025. Tập trung theo dõi, nắm chắc tình hình sản xuất, kinh doanh của các công ty, doanh nghiệp, nhất là những khó khăn, vướng mắc khi trở lại sản xuất trong điều kiện bình thường mới, tình hình sản xuất phục vụ thị trường cuối năm, yêu cầu cam kết sản xuất an toàn, hiệu quả. Quan tâm hỗ trợ doanh nghiệp bình ổn thị trường hàng hóa; tổ chức đợt cao điểm chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng gian, hàng giả trước, trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm dần 2022.

5. Tập trung thanh quyết toán ngân sách cuối năm 2021; theo dõi, đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn năm 2021 đặc biệt là nguồn vốn kéo dài năm 2020 chuyển sang năm 2021; khẩn trương triển khai thực hiện các dự án được bố trí kế hoạch vốn năm 2022.

6. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch dạy học theo phương án cụ thể phù hợp với cấp độ dịch; tập trung ôn tập, hệ thống kiến thức cho học sinh kiểm tra, sơ kết đánh giá học kỳ I năm học 2021 - 2022; kiểm tra phổ cập giáo dục (*Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT*) xóa mù chữ năm 2021; tuyển chọn và bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi tỉnh dự thi cấp quốc gia năm 2022; xây dựng Đề án sản xuất kênh chương trình dạy học trên truyền hình (*Truyền hình Trà Vinh 2*). Phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương lớp 6; triển khai thực hiện biên soạn tài liệu giáo dục địa phương các lớp 7, 8, 9, 10. Thực hiện tốt công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hoạt động sở hữu trí tuệ; hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; ứng dụng có hiệu quả tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất.

7. Rà soát số lao động là người Trà Vinh từ địa phương khác về tỉnh do bị ảnh hưởng dịch Covid-19 để hỗ trợ, đào tạo nghề, giải quyết việc làm. Theo dõi chặt chẽ tình hình lao động, việc làm của công nhân thời điểm cận Tết. Xây dựng kế hoạch thăm viếng, tặng quà gia đình chính sách, người có công với cách mạng nhân dịp Tết Nguyên đán. Thực hiện tốt các chế độ, chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng, chính sách trong đồng bào dân tộc, tôn giáo, trợ giúp xã hội, công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP.

8. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác khám, chữa bệnh; công tác kiểm soát bệnh tật. Đảm bảo bệnh viện an toàn trong phòng, chống dịch COVID-19. Xây dựng kế hoạch triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Nhâm Dần và mùa Lễ hội Xuân năm 2022 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

9. Xây dựng Kế hoạch tổ chức các hoạt động mừng Đảng - Mừng Xuân Nhâm Dần năm 2022; kỷ niệm 92 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2022). Xây dựng sản phẩm du lịch mới "Điểm

du lịch nông nghiệp Cồn Trúng”, ấp Cồn Trúng, xã Trường Long Hoà, thị xã Duyên Hải.

10. Hoàn thành Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên nước, khoáng sản, biến đổi khí hậu. Kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn, chỉnh trang đô thị chuẩn bị đón Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022.

11. Tổng kết kết quả công tác cải cách hành chính 2021 và triển khai kế hoạch cải cách hành chính năm 2022. Tiếp tục lập Đề án điều chỉnh địa giới hành chính, mở rộng địa giới hành chính thành phố Trà Vinh. Triển khai các đoàn thanh tra 2022 theo kế hoạch; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra; giải quyết các đơn khiếu nại tố cáo kịp thời, đúng quy định.

12. Tiếp tục đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, triển khai đồng bộ, quyết liệt các biện pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông, bảo vệ an toàn tuyệt đối các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội quan trọng; tuyên truyền, vận động Nhân dân nâng cao ý thức phòng ngừa tội phạm; tích cực tố giác, tham gia vây bắt tội phạm; thực hiện tốt công tác gọi công dân nhập ngũ năm 2022./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT;
- Vụ IV - VPCP;
- Bộ Tư lệnh QK9;
- TT.TU; TTHĐND tỉnh;
- Các Thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh (3 hệ);
- HĐND, UBND các huyện, Thị xã, thành phố;
- LĐVP.UBND tỉnh;
- Các phòng NC;
- Lưu VT, THNV. 05

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH** *2021*



Lê Văn Hân



Phụ lục 1. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THÁNG 12 NĂM 2021

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 12	ƯTH 12 tháng	Kế hoạch	Cùng kỳ
1	Tổng thu ngân sách	Tỷ đồng	16,738.204	10,177.910	3,310.194	16,459.086	161.71	98.33
	<i>Trong đó: Thu nội địa</i>	Tỷ đồng	5,031.120	5,000.000	491.111	4,810.000	96.20	95.60
2	Tổng chi ngân sách	Tỷ đồng	14,342.881	11,083.000	4,823.473	13,198.234	119.09	92.02
3	Số dự án đầu tư đăng ký mới⁽¹⁾	Dự án	35		1	19		54.29
	- Số dự án trong nước	Dự án	33		1	18		54.55
	- Số vốn đăng ký trong nước	Tỷ đồng	5,222.66		41.74	10,377.51		198.70
	- Số dự án FDI	Dự án	2	3	0	1		50.00
	- Vốn đăng ký FDI	triệu USD	0.79	250	0.00	0.25		31.65
4	Phát triển doanh nghiệp⁽²⁾							
	- <i>Thành lập mới</i>							
	+ Số doanh nghiệp	DN	488	500	36	368	73.60	75.41
	+ Số chi nhánh, địa điểm kinh doanh		273		19	210		76.92
	+ Vốn đăng ký	Tỷ đồng	4,263.0		152.00	5,826.0		136.66
	- <i>Đăng ký bổ sung</i>							
	+ Số doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc	DN	1,644		77	645		39.23
	+ Vốn bổ sung	Tỷ đồng	1,791		27	3,412		190.51
	- <i>Giải thể</i>	DN	77		6	80		103.90

(1) Trong tháng chấm dứt hoạt động 02 dự án. Đến nay có 384 dự án còn hiệu lực, trong đó có 42 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đăng ký 3,1 tỷ USD và 342 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đăng ký 122.242,4 tỷ đồng

(2) Đến nay có 3.279 doanh nghiệp, vốn đăng ký 48.344, số lao động 96.020 (trong đó có 2.827 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn 43.909 tỷ đồng, 88.665 lao động; có 43 doanh nghiệp FDI)

Phụ lục số 2. SẢN XUẤT NÔNG - LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN THÁNG 12 NĂM 2021

T T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 12	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/12	Kế hoạch	Cùng kỳ
A	NÔNG NGHIỆP							
	Diện tích gieo trồng hàng năm	Ha	255,846	245,996	0	259,213	105.37	101.32
	* Cây lương thực có hạt							
	- Diện tích gieo trồng	ha	208,833	198,146	0	212,807	107.40	101.90
	- Diện tích thu hoạch	ha	192,110	198,146	74,125	212,688	107.34	110.71
	- Sản lượng	Tấn	960,176	1,105,484	390,541	1,177,854	106.55	122.67
1	Lúa cả năm							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	205,114	194,346	0	209,016	107.55	101.90
	- Diện tích thu hoạch	Ha	188,392	194,346	73,353	208,897	107.49	110.88
	- Năng suất	Tấn/ha	4.99	5.58	5.26	5.54	99.24	111.03
	- Sản lượng	Tấn	939,731	1,084,584	385,552	1,156,958	106.67	123.12
a	Lúa mùa							
	- DT gieo sạ	Ha	2,263			1,340		59.21
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2,214			1,340		60.52
	- Năng suất	Tấn/ha	3.94			4.83		122.59
	- Sản lượng	Tấn	8,722			6,471		74.19
b	Vụ Đông Xuân							
	- Diện tích xuống giống	Ha	60,457	50,346		59,734	118.65	98.80
	- Diện tích thu hoạch	Ha	43,919	50,346		59,734	118.65	136.01
	- Năng suất	Tấn/ha	4.88	6.60		6.41	97.06	131.27
	- Sản lượng	Tấn	214,319	332,284		382,643	115.16	178.54
c	Lúa Hè thu							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	73,738	74,000		72,779	98.35	98.70
	- Diện tích thu hoạch	Ha	73,603	74,000		72,661	98.19	98.72
	- Năng suất	Tấn/ha	4.94	5.20		5.14	98.78	103.93
	- Sản lượng	Tấn	363,781	384,800		373,240	97.00	102.60
d	Lúa Thu đông							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	68,656	70,000		75,163	107.38	109.48
	- Diện tích thu hoạch	Ha	68,656	70,000	73,353	75,163	107.38	109.48
	- Năng suất	Tấn/ha	5.14	5.25	5.26	5.25	100.00	102.14
	- Sản lượng	Tấn	352,910	367,500	385,552	394,603	107.38	111.81
2	Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	50,732	51,650	0	50,197	97.19	98.95
	- Diện tích thu hoạch	Ha	50,732	51,650	6,122	50,197	97.19	98.95
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	26.12	25.53	32.88	25.78	100.99	98.72
	- Sản lượng	Tấn	1,324,889	1,318,608	201,277	1,294,155	98.15	97.68
a	Màu lương thực							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	5,971	6,170	0	6,000	97.24	100.48
	- Diện tích thu hoạch	Ha	5,971	6,170	1,209	6,000	97.24	100.48
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	9.60	9.71	10.61	9.53	98.22	99.27
	- Sản lượng	Tấn	57,349	59,895	12,822	57,208	95.51	99.75
	Trong đó:							
	+ Bắp:							

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 12	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/12	Kế hoạch	Cùng kỳ
	- Diện tích gieo trồng	Ha	3,718	3,800	0	3,791	99.76	101.95
	- Diện tích thu hoạch	Ha	3,718	3,800	773	3,791	99.76	101.95
	- Năng suất	Tấn/ha	5.50	5.50	6.46	5.51	100.22	100.25
	- Sản lượng	Tấn	20,445	20,900	4,989	20,896	99.98	102.21
	+ <i>Khoai lang</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1,202	1,250	0	1,217	97.39	101.30
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,202	1,250	249	1,217	97.39	101.30
	- Năng suất	Tấn/ha	16.18	16.20	15.66	16.20	99.97	100.12
	- Sản lượng	Tấn	19,438	20,250	3,902	19,715	97.36	101.42
	+ <i>Khoai mì</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	654	670	0	613	91.43	93.63
	- Diện tích thu hoạch	Ha	654	670	126	613	91.43	93.63
	- Năng suất	Tấn/ha	17.34	17.50	24.22	17.49	99.92	100.82
	- Sản lượng	Tấn	11,346	11,725	3,055	10,711	91.35	94.41
	+ <i>Cây có củ khác</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	397	450	0	379	84.23	95.55
	- Diện tích thu hoạch	Ha	397	450	61	379	84.23	95.55
	- Năng suất	Tấn/ha	15.43	15.60	14.43	15.53	99.55	100.66
	- Sản lượng	Tấn	6,120	7,020	876	5,886	83.85	96.18
b	Màu thực phẩm							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	30,753	31,980	0	30,546	95.52	99.33
	- Diện tích thu hoạch	Ha	30,753	31,980	2,972	30,546	95.52	99.33
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	22.08	22.19	21.65	22.16	99.85	100.37
	- Sản lượng	Tấn	678,881	709,638	64,360	676,793	95.37	99.69
	Trong đó:							
	+ <i>Rau màu các loại</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	30,287	31,500	0	30,096	95.54	99.37
	- Diện tích thu hoạch	Ha	30,287	31,500	2,920	30,096	95.54	99.37
	- Năng suất	Tấn/ha	22.38	22.50	21.99	22.46	99.82	100.34
	- Sản lượng	Tấn	677,930	708,750	64,227	675,950	95.37	99.71
	+ <i>Đậu các loại</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	465	480	0	451	93.88	96.82
	- Diện tích thu hoạch	Ha	465	480	52	451	93.88	96.82
	- Năng suất	Tấn/ha	2.04	1.85	2.55	1.87	101.08	91.52
	- Sản lượng	Tấn	951	888	133	843	94.89	88.61
c	Cây công nghiệp hàng năm							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	14,008	13,500	0	13,651	101.12	97.45
	- Diện tích thu hoạch	Ha	14,008	13,500	1,941	13,651	101.12	97.45
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	42.02	40.67	63.92	41.04	100.89	97.65
	- Sản lượng	Tấn	588,659	549,075	124,095	560,154	102.02	95.16
	Trong đó:							
	+ <i>Mía cây</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1,689	1,200	0	1,370	114.20	81.14
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,689	1,200	133	1,370	114.20	81.14
	- Năng suất	Tấn/ha	97.01	100.00	156.27	96.78	96.78	99.76
	- Sản lượng	Tấn	163,850	120,000	20,830	132,628	110.52	80.94

T T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 12	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/12	Kế hoạch	Cùng kỳ
	+ Đậu phộng							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	4,234	4,500	0	4,267	94.82	100.78
	- Diện tích thu hoạch	Ha	4,234	4,500	209	4,267	94.82	100.78
	- Năng suất	Tấn/ha	5.08	5.35	6.42	5.28	98.69	103.88
	- Sản lượng	Tấn	21,520	24,075	1,345	22,529	93.58	104.69
	+ Cây lác							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2,463	2,500	0	2,483	99.30	100.79
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2,463	2,500	417	2,483	99.30	100.79
	- Năng suất	Tấn/ha	12.05	12.00	17.35	12.00	100.00	99.61
	- Sản lượng	Tấn	29,673	30,000	7,237	29,790	99.30	100.40
	+ Cây khác							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	5,622	5,300	0	5,531	104.35	98.37
	- Diện tích thu hoạch	Ha	5,622	5,300	1,182	5,531	104.35	98.37
	- Năng suất	Tấn/ha	66.45	70.75	80.13	67.84	95.88	102.09
	- Sản lượng	Tấn	373,616	375,000	94,684	375,206	100.05	100.43
	B LÂM NGHIỆP							
	- DT rừng trồng tập trung	Ha	99	63	11	63.08	100.13	63.72
	- DT rừng trồng được chăm sóc	Ha	257	310	27	310.00	100.00	120.62
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha	5,103	3,290	145	3,434.72	104.40	67.31
	C THỦY - HẢI SẢN:							
1	Tổng sản lượng	Tấn	228,955	237,580	9,478	217,391	91.50	94.95
	Trong đó : - Tôm các loại	"	77,679	78,330	891	77,844	99.38	100.21
	- Sản lượng Khai thác	Tấn	76,028	79,380	3,227	68,165	85.87	89.66
	+ Khai thác hải sản (mặn, lợ)	Tấn	68,209	71,500	2,472	60,962	85.26	89.38
	Trong đó: - Tôm các loại	"	5,198	6,000	94	4,564	76.07	87.80
	- Cá các loại	"	38,685	40,000	2,226	31,765	79.41	82.11
	- Hải sản khác	"	24,326	25,500	151	24,634	96.60	101.27
	+ Khai thác nội đồng (nước ngọt)	Tấn	7,819	7,880	755	7,202	91.40	92.11
	Trong đó: - Tôm các loại	"	603	630	25	602	95.48	99.80
	- Cá các loại	"	1,869	1,850	180	1,853	100.14	99.12
	- Thủy sản khác	"	5,348	5,400	549	4,748	87.93	88.79
	- Sản lượng Nuôi trồng thủy sản	Tấn	152,927	158,200	6,251	149,226	94.33	97.58
	Trong đó: + Vùng mặn lợ	"	78,316	78,500	485	78,660	100.20	100.44
	- Tôm sú	"	13,851	12,500	206	12,980	103.84	93.71
	- Tôm thẻ chân trắng	"	55,995	56,800	164	57,860	101.87	103.33
	- Cua biển	"	6,963	7,000	34	6,689	95.56	96.06
	- Thủy sản khác	"	1,508	2,200	82	1,131	51.42	75.04
	+ Vùng nước ngọt	"	74,611	79,700	5,766	70,566	88.54	94.58
	- Tôm càng xanh	"	2,033	2,400	402	1,838	76.58	90.42
	- Cá lóc	"	49,606	48,300	1,192	47,864	99.10	96.49
	- Cá tra, cá ba sa	"	4,694	6,000	24	4,320	72.00	92.03
	- Cá các loại	"	18,278	23,000	4,149	16,544	71.93	90.51

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 12	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/12	Kế hoạch	Cùng kỳ
2	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	61.261	57.600	4.837	57.600	100.00	94.02
	- Diện tích nuôi mặn, lợ	Ha	57.818	53.400	4.344	53.400	100.00	92.36
	Trong đó: - Nuôi tôm sú	"	24.890	23.000	899	23.000	100.00	92.41
	- Tôm thẻ chân trắng	"	9.178	9.500	1.972	9.500	100.00	103.51
	- Nuôi cua biển	"	23.500	19.000	43	19.000	100.00	80.85
	- Thủy sản khác	"	250	1.900	1.430	1.900	100.00	760.00
	- Diện tích nuôi nước ngọt	Ha	3.443	4.200	492	4.200	100.00	121.99



Phụ lục số 3. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI THÁNG 12 NĂM 2021

T T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	U' TH tháng 12	U' TH 12 tháng	Kế hoạch	Cùng kỳ
A	GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - TTCN (GIÁ 2010)	Tỷ đồng	35,469.989	45,145.000	2,889.439	32,015.430	70.92	90.26
	<i>Trong đó:</i>							
	- Khai khoáng	Tỷ đồng	10.995	13.220	0.330	11.030	83.43	100.32
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	14,156.182	16,492.000	866.900	12,751.850	77.32	90.08
	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí.	Tỷ đồng	20,995.036	28,326.900	1,944.190	18,921.570	66.80	90.12
	- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	Tỷ đồng	307.776	312.880	78.020	330.980	105.78	107.54
	Sản phẩm chủ yếu:							
1	Thủy sản đông lạnh	Tấn	9,737	11,500	231	7,623	66.29	78.29
2	Đường kết	Tấn	12,371	15,000		5,951	39.67	48.10
3	Than hoạt tính	Tấn	7,581	7,800	470	8,063	103.37	106.36
4	Thuốc viên các loại	Tr.viên	859	1,002	114	1,008	100.56	117.34
5	May mặc(quần áo các loại)	1000chiếc	5,940	19,488	395	4,829	24.78	81.29
6	Thảm dệt các loại	1000m ²	1,783	2,000	158	1,710	85.52	95.91
7	Nước sinh hoạt	1000m ³	30,221	32,800	2,530	32,477	99.02	107.46
8	Gạo xay xát	Tấn	298,215	749,834	19,837	491,289	65.52	164.74
9	Bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô	1000 bộ	8,362	11,235	1,126	9,837	87.55	117.64
10	Sản xuất túi xách các loại	1000cái	2,126	3,725	215	2,478	66.53	116.59
11	Giày thành phẩm	1000 đôi	7,834		403	3,268		41.72
12	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. Kwh	1,084	1,300	94	1,110	85.38	102.43
13	Sản lượng điện sản xuất	Tr. Kwh	19,158	26,748	1,809	17,121	64.01	89.37
B	TỶ LỆ HỘ SỬ DỤNG ĐIỆN TRONG TỈNH	%	99.12	99.20		99.30	100.10	100.18
	Phát triển hộ sử dụng điện	Hộ	3,780	4,000	876	4,000	100.00	105.82
C	TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ	Tỷ đồng	34,708.89	36,000.00	2,348.67	31,910.47	88.64	91.94
	Bán lẻ hàng hoá	Tỷ đồng	24,525.94	24,787.44	1,638.46	22,989.19	92.75	93.73
	Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tỷ đồng	5,493.24	5,820.00	361.16	4,577.71	78.65	83.33
	Du lịch lữ hành	Tỷ đồng	22.49	23.20		13.86	59.74	61.63
	Dịch vụ khác	Tỷ đồng	4,667.22	5,369.36	349.05	4,329.71	80.64	92.77